

Số: /KH-UBND

Thuận An, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Thuận An

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025; Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐCP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 351/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 - 2030;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT ngày 30/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo;

Căn cứ Công văn số 8713/BNNMT-VPĐP ngày 04/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc xây dựng kế hoạch và tổ chức rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 12182/KH-UBND ngày 27/7/2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông

ng nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 -2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 895/QĐ-UBND ngày 18/8/2026 của UBND xã Thuận An về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 - 2030 trên địa bàn xã Thuận An;

Ủy ban nhân dân xã Thuận An ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Thuận An, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo quy định để đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo năm 2026; đồng thời, làm căn cứ xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện chương trình mục tiêu, chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội, hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội trong năm 2027 và những năm tiếp theo trên địa bàn xã.

2. Yêu cầu

- Việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chính quyền; sự giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; sự tham gia của các cấp hội, đoàn thể và của người dân.

- Triển khai thực hiện đúng quy trình, đúng tiến độ về thời gian; bảo đảm tính chính xác theo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ; kết quả rà soát phải phản ánh đúng thực tế tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đời sống của nhân dân; tránh tình trạng chạy theo chỉ tiêu, thành tích, phản ánh sai lệch thực tế về số hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo.

II. TIÊU CHÍ, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ THỜI GIAN RÀ SOÁT

1. Tiêu chí xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025

1.1. Phân loại chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Mức chuẩn hộ nghèo: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Mức chuẩn hộ cận nghèo: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

1.2. Đối tượng, phạm vi rà soát

- Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã Thuận An đang quản lý tại thời điểm rà soát.

- Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

- Việc xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021 - 2025 để phục vụ đánh giá chỉ tiêu về giảm nghèo nhằm góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Thuận An năm 2026 (*năm 2026 UBND tỉnh giao chỉ tiêu cho UBND xã Thuận An tại Kế hoạch số 1477/KH-UBND ngày 30/01/2026 và UBND xã Thuận An đã giao chỉ tiêu giảm nghèo cụ thể cho từng thôn, bon trên địa bàn xã năm 2026 tại Kế hoạch số 249/KH-UBND ngày 23/7/2026*).

** Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021 - 2025 không phải là cơ sở xác định đối tượng để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội khác năm 2027 và giai đoạn 2027 - 2030.*

2. Tiêu chí xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027 - 2030 (để thực hiện chính sách giảm nghèo năm 2027).

2.1. Phân loại chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Mức chuẩn hộ nghèo: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.200.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Mức chuẩn hộ cận nghèo: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.200.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

2.2. Đối tượng, phạm vi rà soát

- Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã Thuận An đang quản lý tại thời điểm rà soát.

- Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

3. Mức chuẩn hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp

3.1. Phân loại hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp.

- Mức chuẩn hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng (*dự thảo quyết định của Chính phủ giai đoạn 2026 - 2030 trên 2.200.000 đồng đến 3.900.000 đồng*).

- Mức chuẩn người lao động có thu nhập thấp là người lao động thuộc hộ gia đình (*không bao gồm người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo*): Có mức thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.250.000 đồng trở xuống.

3.2. Đối tượng, phạm vi rà soát

- Đối với xác định hộ làm nông, lâm, ngư và diêm nghiệp có mức sống trung bình: Các hộ làm nông, lâm, ngư và diêm nghiệp đang sinh sống trên địa bàn xã có Giấy đề nghị xác định là hộ có mức sống trung bình theo quy định. Đối với xác định người lao động có thu nhập thấp: Người lao động (không thuộc các hộ nêu trên) có Giấy đề nghị xác nhận là người lao động có thu nhập thấp, đang cư trú trên địa bàn xã.

3.3. Tiêu chí về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

Hộ gia đình có mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản được xác định theo quy định của Chính phủ về chuẩn nghèo đa chiều 2027-2030 và có dưới 04 chỉ số thiếu hụt đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

4. Phạm vi rà soát: Trên địa bàn toàn xã Thuận An.

5. Thời gian rà soát: Từ ngày 01/9/2026 đến hết ngày 14/12/2026.

II. QUY TRÌNH, PHƯƠNG PHÁP

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và theo chuẩn đa chiều giai đoạn 2027 - 2030 trên địa bàn xã Thuận An do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Kinh phí tổ chức rà soát

1.2. Các nội dung chi

- In tài liệu, biểu mẫu phục vụ rà soát.
- Hỗ trợ cho điều tra viên thực hiện rà soát.
- Chi công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát.
- Chi hỗ trợ làm thêm giờ.
- Tổng hợp số liệu báo cáo.
- Chi in giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo.
- Chi nhập dữ liệu phần mềm quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo.
- Chi hội nghị triển khai, tổng kết.
- Chi mua sắm văn phòng phẩm phục vụ cho quá trình công tác rà soát.

1.2. Mức chi

- Hỗ trợ người rà soát: 40.000 đồng/phiếu B;
- Hỗ trợ kiểm tra, tổng hợp, báo cáo: 2.800 đồng/phiếu *(tối đa không quá 7% so với mức chi cho người rà soát)*.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp,

ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp trên địa bàn xã năm 2026.

- Căn cứ tình hình thực tế và nguồn kinh phí (nếu có) tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng trực tiếp tham gia rà soát và các giám sát viên; theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các thôn, bon triển khai thực hiện theo đúng quy trình và đúng thời hạn quy định.

- Kịp thời hướng dẫn, giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện (nếu có).

- Tổng hợp, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ban hành Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo trong năm 2026 (theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 - 2030).

- Tham mưu báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định và cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống <https://csdlhn.mae.gov.vn>.

- Cân đối, bố trí ngân sách thực hiện các chính sách giảm nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã.

- Tham mưu Chủ tịch UBND xã ban hành Quyết định phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, quyết định công nhận hộ có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp trên địa bàn xã theo quy định;

- Thực hiện kiểm tra, phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn khi có đơn thư khiếu nại.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Hướng dẫn các địa phương về quy định các tiêu chuẩn, quy chuẩn về nước sinh hoạt, nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Tổng hợp số liệu liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã.

3. Công an xã: Phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp xã cung cấp các thông tin, số liệu liên quan đến số hộ dân cư, số nhân khẩu của địa phương tại thời điểm rà soát để làm cơ sở tính tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và phục vụ xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu sau rà soát.

4. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp trên địa bàn xã Thuận An năm 2026.

- Phổ biến, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 trên các phương tiện truyền thông; khuyến khích các hộ gia đình chủ động tham gia khảo sát.

5. Thống kê cơ sở Thuận An

Phối hợp với Phòng Kinh tế trong quá trình kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp

và diêm nghiệp có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp và số hộ dân cư, số nhân khẩu trên địa bàn các xã, phường, đặc khu.

6. Bảo hiểm xã hội cơ sở Thuận An

Phối hợp, cung cấp thông tin về chính sách bảo hiểm y tế đối với các thành viên hộ gia đình được rà soát khi có yêu cầu; chủ động phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội hướng dẫn các địa phương triển khai lập danh sách bảo hiểm y tế khi đã có kết quả điều tra.

7. Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách - Xã hội Đắk Mil

Chủ động phối hợp với Phòng Kinh tế để kết hợp khảo sát, tổng hợp nhu cầu vay vốn của các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

- Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia với chính quyền trong tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp theo quy định; tổ chức giám sát, phản biện việc thực hiện Kế hoạch này nhằm đảm bảo chính xác, hiệu quả, không bỏ sót đối tượng, công khai, minh bạch.

- Phân công cán bộ tham gia họp dân tại các thôn, bon để lấy ý kiến về kết quả rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo.

9. Trưởng các thôn, bon trên địa bàn xã

- Phối hợp các hội đoàn thể ở thôn, bon đẩy mạnh công tác tuyên truyền mục đích, ý nghĩa công tác điều tra hộ nghèo, cận nghèo, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp trên địa bàn đến với hộ gia đình địa bàn.

- Tham gia các lớp tập huấn điều tra hoặc cử người rà soát, tiến hành triển khai rà soát, điều tra đảm bảo thời gian, đúng đối tượng theo quy định.

- Phối hợp lựa chọn và đề xuất lực lượng thực hiện rà soát phục vụ công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo đúng quy định. Chủ động phối hợp với thành viên Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc phụ trách địa bàn thống nhất cách thức thực hiện rà soát, hoàn thiện phiếu điều tra rà soát và các biểu mẫu báo cáo theo quy định.

- Tổ chức thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp trên địa bàn; Quá trình điều tra, rà soát họp Nhân dân thông qua kết quả rà soát phải đảm bảo công khai, minh bạch, không để phát sinh đơn thư khiếu nại và phải có sự tham gia giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc.

- Tổ chức họp dân và tổng hợp, lập danh sách các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn, sau khi có kết quả rà soát chính thức; chịu trách nhiệm trước UBND xã về tiến độ, chất lượng và hiệu quả của việc điều tra, rà

soát hộ nghèo, hộ cận nghèo Gửi về Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo xã (qua Phòng Kinh tế xã) trước ngày 31/10/2026.

10. Chế độ báo cáo kết quả rà soát

Các thôn, bon trên địa bàn xã kiểm tra, tổng hợp và hoàn thiện kết quả rà soát của thôn, bon; bàn giao toàn bộ hồ sơ gốc, phiếu rà soát, biên bản họp dân và các biểu mẫu liên quan theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027 - 2030 về UBND xã *(qua phòng Kinh tế)* **trước ngày 30/9/2026.**

- Phòng Kinh tế tổng hợp kết quả rà soát sơ bộ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027 - 2030 trên địa bàn tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo sơ bộ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn về Sở Nông nghiệp và Môi trường **trước ngày 01/11/2026;**

+ **Trước ngày 30/11/2026,** tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo bằng văn bản kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến đối với kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

+ **Trước ngày 05/12/2026,** tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Trên đây là Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Thuận An. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị, các thôn, bon trên địa bàn xã phản ánh kịp thời về UBND *(qua Phòng Kinh tế)* để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xã xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Sở NN&MT (thay b/c);
- Chi cục PTNT - Sở NN&MT;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQVN xã và các tổ chức đoàn thể xã;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc xã;
- Thống kê cơ sở Thuận An;
- BHXH Thuận An;
- Phòng Giao dịch NHCSXH Đắk Mil;
- Ban Tự quản các thôn, bon;
- Lãnh đạo VP;
- Trang Thông tin điện tử xã (đăng tải);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Bá Tịnh

PHỤ LỤC
HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH THỰC HIỆN RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ
CẬN NGHÈO, XÁC ĐỊNH HỘ LÀM NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP,
NGƯ NGHIỆP, DIÊM NGHIỆP CÓ MỨC SỐNG TRUNG BÌNH, NGƯỜI
LAO ĐỘNG CÓ THU NHẬP THẤP NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2026 của UBND xã Thuận An)

A. RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO
NĂM 2026 THEO CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

1. Quy trình và phương pháp thực hiện theo Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT ngày 30/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2021 - 2025 và mẫu biểu báo cáo, thực hiện cụ thể như sau:

a) Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm theo Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH này để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm A): Ở khu vực nông thôn, **140 điểm** tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng.

- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

b) Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

- **Hộ nghèo:** Hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B \geq 30$ điểm ở khu vực nông thôn.

- **Hộ cận nghèo:** Hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B < 30$ điểm ở khu vực nông thôn.

2. Các bước thực hiện rà soát

Bước 1: Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình

- Trưởng thôn và rà soát viên thu thập thông tin, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

- Quá trình này sử dụng Mẫu số 3.1 Phiếu B1; Mẫu số 3.2 Phiếu B2; Mẫu số 3.8 Phụ lục III để thu thập thông tin, sau đó tính điểm A (về mức thu nhập) và điểm B (về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản).

- **Hộ nghèo:** Hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B \geq 30$ điểm ở khu vực nông thôn.

- **Hộ cận nghèo:** Hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B < 30$ điểm ở khu vực nông thôn.

- **Hộ thoát nghèo:** Hộ có điểm $A > 140$ điểm

- **Bước 2:** Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát

Tổ chức cuộc họp để lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát; trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, phải thực hiện rà soát lại. Kết quả cuộc họp được

lập thành 02 biên bản có chữ ký của chủ trì, thư ký và đại diện hộ dân.

Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã, Trưởng thôn (chủ trì họp), Bí thư Chi bộ thôn, đoàn thể, rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát.

Mẫu biên bản kết quả họp dân để thống nhất kết quả rà soát quy định tại điểm c khoản 3 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg lập theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

** Lưu ý: Thời gian hoàn thành và gửi kết quả rà soát về UBND xã (qua phòng Kinh tế) trước ngày 30/9/2026.*

B. RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO NĂM 2026 THEO CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU GIAI ĐOẠN 2027 – 2030

1. Quy trình và phương pháp thực hiện theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 – 2030

a) Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 là phương pháp xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo thông qua chấm điểm tài sản, điều kiện sống, thông tin thành viên của hộ gia đình (sau đây gọi là điểm Đ) để ước lượng mức thu nhập bình quân đầu người và đo mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (sau đây gọi là số thiếu hụt TH) của hộ gia đình.

- Điểm Đ được xác định từ Phiếu B1 tại Mẫu số 2.2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; được quy đổi sang mức thu nhập bình quân đầu người như sau: 190 điểm khu vực nông thôn tương đương 2.200.000 đồng/người/tháng.

- Số thiếu hụt TH là tổng chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình, được xác định từ Phiếu B2 tại Mẫu số 2.3 và Mục III Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

- **Hộ nghèo:** Hộ có điểm Đ ≤ 190 điểm và chỉ số thiếu hụt TH ≥ 3 chỉ số ở khu vực nông thôn.

- **Hộ cận nghèo:** Hộ có điểm Đ ≤ 190 điểm và chỉ số thiếu hụt TH < 3 điểm ở khu vực nông thôn.

2. Các bước thực hiện rà soát

Bước 1: Lập Danh sách hộ gia đình cần rà soát

Phòng Kinh tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan lập danh sách theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đang quản lý.

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã tại thời điểm rà soát;

- Hộ gia đình có đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (nộp trực tiếp, trực

tuyển hoặc gửi qua đường bưu điện), đã qua rà soát theo Phiếu A Mẫu số 2.1 Phụ lục II và Mục II Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này mà không có điều kiện nhận dạng nhanh theo ghi chú tại cột 0 và có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09.

b) Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ thoát nghèo: hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã tại thời điểm rà soát.

Bước 2: Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình

Người thực hiện rà soát sử dụng các phiếu công cụ để chấm điểm tài sản (Điểm Đ) và đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (Số thiếu hụt TH).

Phiếu B1 (Mẫu số 2.2): Đánh giá, chấm điểm Đ.

Phiếu B2 (Mẫu số 2.3): Thông tin thiếu hụt dịch vụ xã hội. Phiếu C (Mẫu số 2.4): Tổng hợp thông tin chung.

Dựa trên kết quả (Điểm Đ và TH), lập Danh sách dự kiến (Mẫu số 04) đối với các hộ đủ điều kiện (Nghèo, Cận nghèo, Thoát nghèo).

- **Hộ nghèo:** Hộ có điểm $\mathbf{Đ} \leq 190$ điểm và chỉ số thiếu hụt $\mathbf{TH} \geq 3$ chỉ số ở khu vực nông thôn.

- **Hộ cận nghèo:** Hộ có điểm $\mathbf{Đ} \leq 190$ điểm và chỉ số thiếu hụt $\mathbf{TH} < 3$ điểm ở khu vực nông thôn.

- **Hộ thoát nghèo:** Hộ có điểm $\mathbf{Đ} > 190$ điểm.

Bước 3: Tổ chức họp dân lấy ý kiến

- Trưởng thôn chủ trì cuộc họp dân để thống nhất kết quả. Cần có ý kiến đồng ý của ít nhất 50% số người tham dự. Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, phải thực hiện rà soát lại.

- Thành phần cuộc họp: Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố (chủ trì); đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, người thực hiện rà soát; đại diện một số hộ gia đình theo kết quả phân loại hộ gia đình; mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, một số hộ gia đình cư trú trên địa bàn cấp xã.

- Biểu mẫu sử dụng: Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư này; 02 biên bản có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp, người thực hiện rà soát, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và đại diện của một số hộ dân theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; 01 biên bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã, 01 biên bản Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố lưu.

** Lưu ý: Thời gian hoàn thành và gửi kết quả rà soát về UBND xã (qua phòng Kinh tế) trước ngày 30/9/2026.*

C. XÁC ĐỊNH HỘ LÀM NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, NGƯ NGHIỆP, DIÊM NGHIỆP CÓ MỨC SỐNG TRUNG BÌNH, NGƯỜI LAO ĐỘNG CÓ THU NHẬP THẤP

1. Xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình

Mức chuẩn hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có

mức sống trung bình: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng

Hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Cư trú làm việc trong các lĩnh vực nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và diêm nghiệp có giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021; tổ chức rà soát đồng thời với công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo..

2. Người lao động có thu nhập thấp

Mức chuẩn người lao động có thu nhập thấp là người lao động thuộc hộ gia đình (*không bao gồm người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo*): Có mức thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.250.000 đồng trở xuống.

Tổ chức rà soát, xác định người lao động có thu nhập thấp áp dụng theo quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025; giấy đề nghị xác định người lao động có thu nhập thấp theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.

* **Lưu ý:** Thời gian hoàn thành và gửi kết quả rà soát về UBND xã (qua phòng Kinh tế) **trước ngày 30/9/2026**.

* **Lưu ý:** Trong quá trình triển khai thực hiện rà soát phải điền đầy đủ thông tin, đặc biệt là ngày tháng năm sinh và số CCCD/ số định danh cá nhân để làm cơ sở tích hợp thẻ bảo hiểm y tế và cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống <https://csdlhn.mae.gov.vn>.